

Unit 5. Where will you be this weekend?

SPEAKING

1.

Act as..... Mai:

Phong:

Tony:



2.

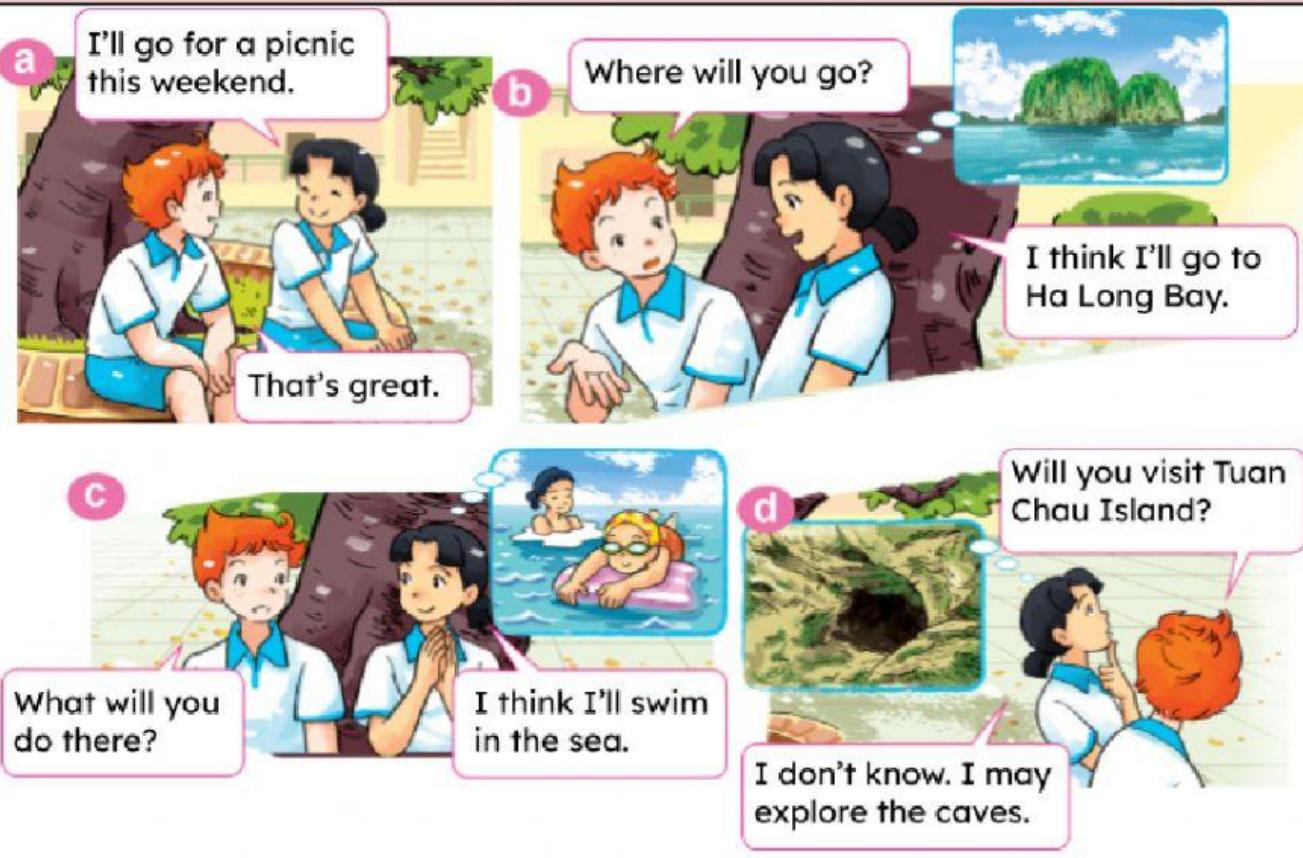
Act as.....	Mai:	Tony:
Tony:	Hi, Mai. Where will you be tomorrow?	
Mai:	What day is it tomorrow?	
Tony:	It's Saturday.	
Mai:	Oh, I think I'll be at the seaside.	

3.

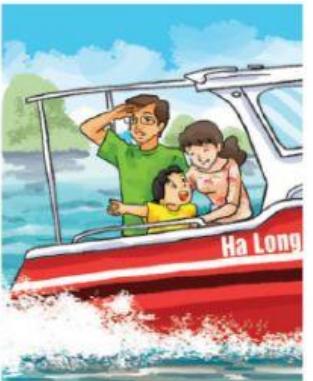
<i>Act as.....</i>	<i>Linda:</i>	<i>Nam:</i>
Nam:	Do you want to go for a picnic next week?	
Linda:	Where will it be?	
Nam:	It'll be in the mountains.	
Linda:	Yes, please. That'll be a lot of fun.	

4.

<i>Act as.....</i>	<i>Phong:</i>	<i>Linda:</i>
Linda:	Will you be at home next week?	
Phong:	Next week?	
Linda:	Yes.	
Phong:	I don't know. Maybe I'll be in the countryside.	

Act as..... **Tony:****Mai:**

6.

<i>Act as.....</i>	<i>Mai:</i>	<i>Dad:</i>
Dad:	Mai, would you like to go away this weekend?	
Mai:	Yes, please. Where will we go?	
Dad:	To Ha Long Bay.	
Mai:	Oh, good! What will we have for breakfast?	
Dad:	I think we'll have seafood and noodles.	
Mai:	OK! I love seafood. Will we take a boat around the islands, Dad?	
Dad:	Yes, we will.	
Mai:	When will we do it?	
Dad:	I think we'll do it in the afternoon.	
Mai:	When will we explore the caves, dad?	
Dad:	Not now, we'll do it later.	
Mai:	Oh... OK. Then I'll go for a swim in the sea.	
Dad:	Good idea. Your mum and I will go for a swim, too.	



7.

Hello, I'm Mai. I'll go to Ha Long Bay with my family next Sunday. It'll be a lot of fun. In the morning, I think my parents will swim in the sea. They love swimming! My brother and I will build sandcastles on the beach. In the afternoon, my mum and dad will sunbathe. My brother and I will play badminton. Then we'll have dinner on Tuan Chau Island. Seafood, I hope!

8.

Hello, I'm Tony. I'll be in Phu Quoc with my family tomorrow. It'll be a lot of fun. In the morning, I think my mum and dad will sunbathe. My sister and I will build sandcastles on the beach. In the afternoon, we will swim in the sea. We love swimming. In the evening, we will have dinner in a restaurant by the sea. Then we will go for a walk along the beach. I hope we will have a good time in Phu Quoc.

NOTE

- sth - something - cái gì đó
- sb - somebody - ai đó

1

• this weekend	cuối tuần này
• think	nghĩ, suy nghĩ
• family	gia đình
• What about you?	Còn bạn thì sao?
• why	tại sao
• because	vì, bởi vì

• have to....	phải làm gì đó
• study = learn	học

2-4

• tomorrow	ngày mai
• want to...	muốn làm gì đó
• next week	tuần tới, tuần sau
• please	vui lòng, làm ơn
• Yes, please.	Đồng ý.
• That'll be a lot of fun.	Sẽ vui lắm cho mà xem.
• know	biết, hiểu
• I don't know.	Tôi không biết nữa.
• maybe	có thể

5

• great	tuyệt vời, hay
• That's great.	Thật là tuyệt vời.

6

• would like to... = want to	muốn làm gì đó
• go away	đi xa
• seafood	hải sản
• noodles	phở, bún, mì

• Not now.	Chưa phải lúc/Không phải bây giờ.
• it	việc đó
• later	sau, sau đó
• We'll do it later.	Chúng ta làm việc đó sau.
• then	sau đó
• Good idea.	Ý kiến hay đấy.
•too	cũng

7

• there	đó, ở đó
---------	----------

8

• then	sau đó
• hope	hi vọng

9

• tomorrow	ngày mai
• restaurant	nhà hàng
• go for a walk = walk	đi dạo, đi bộ
• along	dọc theo
• along the beach	dọc theo bãi biển
• have a good time	có một khoảng thời gian tuyệt vời